

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 10 - 2022

“*V/v: Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mậu và ông Nguyễn Xuân Thí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 66/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2028/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 2085/2022/QDDST-HNGĐ ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị [Nguyễn Thị Kim A](#), sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: [Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#).
Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh [Phan Văn H](#), sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: [Tổ dân phố G, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#).

Địa chỉ cư trú hiện nay: [Yeong J](#), 285- 5, song pyeong-dong Jiriui-si, [G](#) sang nam-do 660 -340, [Republic of K](#), Hàn Quốc. Vắng mặt.

Thân nhân của anh [Phan Văn H](#): Ông [Phan Văn T](#), sinh năm 1959 (bố đẻ anh [H](#)); Địa chỉ: [Tổ dân phố G, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 30/11/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim A](#) trình bày:

Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) và anh [Phan Văn H](#) yêu nhau tự nguyện, tháng 11 năm 2005 anh [H](#) tự làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 2007 anh

H về lại Việt Nam, chị và anh H đã đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với gia đình bố mẹ chồng được một thời gian thì anh H tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Thời gian đầu anh H mới sang Hàn Quốc, anh thường xuyên điện thoại về thăm hỏi động viên chị, vợ chồng vẫn thương yêu nhau. Đến năm 2009 chị biết tin anh H đã có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác ở bên Hàn Quốc nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần anh H gọi điện thoại về cho chị thì vợ chồng cãi nhau nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Từ năm 2009 đến nay anh H không còn quan tâm đến chị, không liên lạc về cho chị nữa. Mặc dù, hai gia đình nội ngoại khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả gì. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh Phan Văn H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Văn H hiện đang cư trú tại Hàn Quốc: Tại thời điểm anh Phan Văn H đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim A, anh H có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố G, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Cục Q Bộ C cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Phan Văn H. Tại Công văn số 31497/QLXNC- P5 ngày 23/12/2021 của Cục Q cung cấp thông tin anh Phan Văn H đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 13/7/2008 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo chị A và ông T (bố đẻ anh H) cung cấp địa chỉ anh H hiện đang cư trú tại: Yeong J, 285- 5, song pyeong-dong Jiriu-si, G sang nam-do 660 -340, Republic of K, Hàn Quốc.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ủy thác đến Đ tại Hàn Quốc các văn bản tố tụng, tài liệu liên quan đến việc ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim A với anh Phan Văn H để tổng đạt, thông báo cho bị đơn anh Phan Văn H; đã đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn trên hệ thống phát thanh của Ban Đối ngoại - Đ1 (VOV5) kênh thông tin dành cho người Việt Nam ở nước ngoài và thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi ở, địa phương nơi cư trú, giao cho người thân (bố) của anh H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 23/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được Công điện số 429/ĐSQ-LS ngày 11/5/2022 của Đ tại Hàn Quốc về việc thông báo kết quả tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phan Văn H và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đ nhưng không nhận được sự phản hồi nào của anh H.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2022 của ông [Phan Văn T](#) (bố đẻ của anh [Phan Văn H](#)) trình bày: Hiện nay anh [H](#) đang sinh sống tại địa chỉ [Y](#), 285-5, song pyeong-dong [J](#)-si, [G](#) sang nam-do 660-340, [R](#) of Korea, Hàn Quốc đúng như chị [Nguyễn Thị Kim A](#) đã cung cấp cho Toà án. Anh [H](#) vẫn thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình thăm hỏi tình hình ở nhà, ông đã thông báo cho anh [H](#) biết việc chị [A](#) làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh [H](#) và anh [H](#) đã đồng ý ly hôn. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình đã khuyên bảo nhưng hai con không nghe, hiện hai con Anh, [H](#) quyết định ly hôn ông cũng nhất trí. Ông và anh [H](#) đã thừa nhận vợ chồng anh [H](#) không có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim A](#) giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh [H](#). Về con chung và về tài sản chung không có, chị [A](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Kim A](#), xử cho chị [Nguyễn Thị Kim A](#) được ly hôn anh [Phan Văn H](#); về con chung và về tài sản chung không có, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh [Phan Văn H](#) đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại: [Tổ dân phố G, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#). Hiện đang cư trú tại nước ngoài (Hàn Quốc). Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho đương sự ở nước ngoài; đã thực hiện thông báo cho anh [Phan Văn H](#) trên kênh phát thanh của Ban Đối ngoại- [Đ1](#) (VOV5), kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài; thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng của Toà án tại địa phương (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh [Phan Văn H](#)) và giao các văn bản tố tụng của Toà án cho người thân (bố) của anh [Phan Văn H](#) để người thân thông báo cho anh [H](#) biết nội dung liên quan đến việc chị [Nguyễn Thị Kim A](#) xin ly hôn anh [Phan Văn H](#) theo đúng quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 23/5/2022 Toà án nhân

dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được Công điện số 429/ĐSQ-LS ngày 11/5/2022 của [Đ](#) tại Hàn Quốc về việc thông báo kết quả tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án cho anh [Phan Văn H](#) và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của [Đ](#) nhưng không nhận được sự phản hồi nào của anh [H](#).

Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất vào ngày 13/9/2022, nhưng do anh [H](#) vắng mặt lần thứ nhất nên đã hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay chị [A](#) có mặt, anh [H](#) vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh [H](#).

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) và anh [Phan Văn H](#) kết hôn tại [UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 01/6/2007 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị [A](#) trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian anh [H](#) đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2009 chị biết tin anh [H](#) đã có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác ở bên Hàn Quốc do đó mỗi lần anh [H](#) gọi điện thoại về cho chị thì vợ chồng xảy ra cãi nhau, nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Từ năm 2009 đến nay anh [H](#) không còn quan tâm đến chị, không liên lạc về cho chị nữa. Nay chị [A](#) khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh [Phan Văn H](#).

Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa chị [A](#) và anh [H](#) không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị [A](#) để xử cho chị [A](#) được ly hôn anh [H](#) là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị [A](#) và anh [H](#) không có con chung nên không xem xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung:* Chị [A](#) và anh [H](#) không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài:* Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 2.048.000 đồng lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài và đăng tin thông báo trên hệ thống phát thanh VOV5 theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 153, các Điều 228, Điều 469, 474, 475, 476, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, tuyên sử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị [Nguyễn Thị Kim A](#) được ly hôn anh [Phan Văn H](#).

2. **Về quan hệ con chung:** Không có, không xem xét.

3. **Về quan hệ tài sản chung:** Không xem xét.

4. **Về án phí, lệ phí:** Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số 0004797 ngày 07/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) phải chịu 2.048.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng và đăng thông tin trên kênh phát thanh của Ban Đối ngoại - [Đ1](#) (VOV5), chị [A](#) đã nộp đủ tại Tòa án.

5. **Quyền kháng cáo:** Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh [Phan Văn H](#) có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn